

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành “Quy định về đào tạo theo hệ thống tín chỉ
tại Trường CĐSP Trung ương – Nha Trang”**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CĐSP TRUNG ƯƠNG - NHA TRANG

Căn cứ quyết định số 350/QĐ-BGDĐT ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đổi tên trường CĐSP Nhà trẻ - Mẫu giáo TW2 thành Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương - Nha Trang;

Căn cứ thông tư số 14/2009/TT-BGDĐT ngày 28/5/2009 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành “*Quy định về đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường CĐSP Trung ương – Nha Trang*” đối với bậc đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Điều 2. Quy định trên được áp dụng từ khóa 2013;

Điều 3. Các Ông, Bà Trưởng phòng, Khoa, Đơn vị, các thành phần có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như điều 3;
- Lưu VT, PĐT.

HIỆU TRƯỞNG
(đã ký)

Lê Thu Hà

QUY ĐỊNH

Về đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường CĐSP Trung ương - Nha Trang
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 280/QĐ-CĐSP TWNT ngày 14 tháng 6 năm 2013 của
Hiệu trưởng Trường CĐSP Trung ương - Nha Trang)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này là sự cụ thể hóa Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên các khoá đào tạo hệ chính quy trình độ cao đẳng của Trường cao đẳng sư phạm Trung ương Nha Trang thực hiện theo hình thức tích lũy tín chỉ.

Điều 2. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là chương trình) cần thể hiện rõ: trình độ đào tạo; đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình.

2. Mỗi chương trình gắn với một ngành và được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

3. Đề cương chi tiết của từng học phần phải thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có); nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần; giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thực hành, thực tập phục vụ học phần.

4. Hiệu trưởng ban hành chương trình thực hiện trong trường, với khối lượng của mỗi chương trình không dưới 90 tín chỉ đối với khoá cao đẳng 3 năm; 60 tín chỉ đối với khoá cao đẳng 2 năm.

Điều 3. Học phần và tín chỉ

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ; nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và được phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần được ký hiệu bằng một mã riêng do nhà trường quy định.

2. Các loại học phần:

a) Học phần bắt buộc là những học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.

b) Học phần tự chọn là những học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn nhằm bổ trợ, đa dạng hoá tri thức chuyên môn hoặc được lựa chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

- Học phần tự chọn ràng buộc: là học phần chứa đựng những mảng nội dung chính yếu của ngành hay chuyên ngành đào tạo mà sinh viên phải chọn đủ số lượng xác định trong số nhiều học phần tương đương được quy định cho ngành hoặc chuyên ngành đó.

- Học phần tự chọn tùy ý: là học phần hỗ trợ kiến thức chuyên môn sâu, hoặc trang bị kỹ năng mềm liên quan đến chuyên ngành đào tạo mà sinh viên có thể chọn đăng ký học hay không tùy theo nguyện vọng.

c) Giải thích một số thuật ngữ về học phần sử dụng trong quá trình đào tạo:

– *Học phần tiên quyết*: là học phần mà sinh viên bắt buộc phải tích lũy trước khi đăng ký học học phần tiếp theo.

– *Học phần tích lũy*: là học phần đã có kết quả cuối cùng đạt từ điểm 4 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc đạt điểm A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D (theo thang điểm chữ). Tổng số tín chỉ của các học phần này tính từ lúc bắt đầu khoá học đến thời điểm xét, gọi là số tín chỉ tích lũy hay khối lượng kiến thức tích lũy.

– *Học phần tương đương*: là một hay một nhóm học phần thuộc chương trình đào tạo của một khóa, ngành/chuyên ngành khác đang tổ chức đào tạo tại trường được phép tích lũy để thay cho một hay một nhóm học phần trong chương trình đào tạo của ngành/chuyên ngành đào tạo. Học phần tương đương phải có tỉ lệ nội dung giống ít nhất 80% và có số tín chỉ tương đương hoặc lớn hơn so với học phần xem xét.

– *Học phần thay thế*: là học phần được sử dụng để thay thế cho một học phần có trong chương trình đào tạo nhưng nay không còn tổ chức giảng dạy nữa, hoặc là một học phần tự chọn thay cho một học phần tự chọn khác mà sinh viên đã thi không đạt yêu cầu (bị điểm F).

Các học phần tương đương hay nhóm học phần tương đương /học phần thay thế do khoa chuyên môn đề xuất và là các phần bổ sung cho chương trình đào tạo trong quá trình thực hiện. Học phần tương đương hoặc thay thế được áp dụng cho tất cả các khóa, các ngành/chuyên ngành hoặc chỉ được áp dụng hạn chế cho một số khóa, ngành.

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30-45 tiết thực hành hoặc thảo luận; 45-90 giờ thực tập tại cơ sở; 45-60 giờ làm tiểu luận.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, để tiếp thu được một tín chỉ, sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

Hiệu trưởng quy định cụ thể số tiết, số giờ đối với từng học phần và phê duyệt trong chương trình đào tạo.

4. Hiệu trưởng quy định việc tính số giờ giảng dạy của giảng viên cho các học phần trên cơ sở số giờ giảng dạy trên lớp, số giờ thực hành, thực tập, số giờ chuẩn bị

khối lượng tự học cho sinh viên, đánh giá kết quả tự học của sinh viên và số giờ tiếp xúc sinh viên ngoài giờ lên lớp.

5. Một tiết học được tính bằng 50 phút.

Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy

Thời gian hoạt động giảng dạy của trường được tính từ 07 giờ đến 21 giờ hàng ngày. Trong những tình huống cụ thể, căn cứ điều kiện thực tiễn của nhà trường, thời khóa biểu có thể bố trí cả vào thứ Bảy, Chủ nhật.

Điều 5. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

1. Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ đã được trường chấp nhận (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

2. Điểm các học phần được quy đổi về thang điểm chữ theo qui định tại Điều 22

3. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

4. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D tính từ đầu khóa học.

5. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

Chương II

TỔ CHỨC QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 6. Thời gian và tổ chức đào tạo

1. Trường CĐSP Trung ương Nha Trang tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ.

a) Khoá học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Tùy thuộc chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, khoá học được thiết kế như sau:

- Ba năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông;
- Một năm rưỡi đến hai năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng chuyên ngành đào tạo.

b) Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 đến 4 tuần thi. Ngoài hai học kỳ chính, trường sẽ tổ chức thêm một học kỳ phụ (mỗi học kỳ phụ có ít nhất 05 tuần thực học và 01 tuần thi) để sinh viên có các học phần bị đánh giá là không đạt (điểm F) học lại hoặc để sinh viên có nhu cầu cải thiện điểm ở các học kỳ chính học cải thiện điểm và để các sinh viên học giỏi có điều kiện học vượt nhằm kết thúc sớm chương trình đào tạo. Sinh viên đăng ký tham gia học kỳ phụ trên cơ sở tự nguyện.

Ngoài ra, trong một năm học, không kể hai học kỳ chính và một học kỳ phụ, chương trình đào tạo còn thiết kế một số tuần dành cho các hoạt động khác liên quan đến đào tạo như: giáo dục quốc phòng, nghỉ hè, nghỉ lễ/Tết và thời gian dự phòng cho các vấn đề đột xuất xảy ra gây ảnh hưởng đến tiến độ đào tạo như thiên tai (bão, lũ...).

2. Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu quy định cho các chương trình, Trưởng khoa chuyên môn và Trưởng Phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch, phân bổ số học phần cho từng năm học, từng học kỳ để trình Hiệu trưởng phê duyệt.

3. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình bao gồm: thời gian thiết kế cho chương trình quy định tại Khoản 1 của điều này, cộng với 2 học kỳ đối với các khóa học dưới 3 năm; 4 học kỳ đối với các khóa học 3 năm. Tùy theo điều kiện đào tạo của nhà trường, Hiệu trưởng sẽ quyết định mở rộng thời gian tối đa cho mỗi chương trình, nhưng không được vượt quá hai lần so với thời gian thiết kế cho chính chương trình đó.

Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

Điều 7. Đăng ký nhập học

1. Khi đăng ký vào học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường CDSP Trung ương - Nha Trang, sinh viên phải nộp các giấy tờ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Tất cả các giấy tờ của sinh viên

nhập học phải được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân do Phòng Công tác sinh viên quản lý.

2. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, Phòng công tác sinh viên trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận người đến học là sinh viên chính thức của trường.

3. Phòng Công tác sinh viên lập mã số sinh viên và cấp cho mỗi sinh viên một mã số riêng. Mã số này được sử dụng trong toàn bộ quá trình học tập tại trường. Các đơn vị có liên quan sử dụng thống nhất mã số sinh viên này. Phòng Công tác sinh viên làm thẻ cho sinh viên trong thời hạn 04 tuần đầu của khóa học.

4. Sinh viên nhập học được nhà trường cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch đào tạo của các ngành/chuyên ngành; quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

Điều 8. Sắp xếp sinh viên vào học các chuyên ngành đào tạo

Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh, kết quả tuyển sinh hàng năm và nguyện vọng của thí sinh, nhà trường tổ chức xếp chuyên ngành học cho thí sinh trúng tuyển theo quy định.

Điều 9. Tổ chức lớp học

1. Lớp sinh viên

a) Lớp sinh viên là lớp được tổ chức từ đầu khóa học bao gồm những sinh viên cùng khóa học, cùng chuyên ngành đào tạo. Mỗi lớp/nhóm lớp sinh viên có một mã số riêng và được bố trí 01 giáo viên chủ nhiệm/cố vấn học tập phụ trách.

b) Giáo viên chủ nhiệm lớp đồng thời đảm nhiệm vai trò cố vấn học tập cho sinh viên trong lớp về đào tạo như giúp đỡ sinh viên lập kế hoạch học tập trong từng học kỳ và kế hoạch cho toàn khóa học, tổ chức các hoạt động của lớp/nhóm lớp sinh viên.

2. Lớp học phần

a) Lớp học phần là lớp được tổ chức cho những sinh viên cùng học một học phần theo cùng thời khoá biểu, cùng giảng đường và được tổ chức dựa trên kết quả đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Mỗi lớp học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng do trường quy định.

b) Số sinh viên tối thiểu của mỗi lớp học phần do Hiệu trưởng quy định theo từng học kỳ, tùy theo điều kiện cụ thể của trường. Nếu số lượng đăng ký ít hơn quy định, lớp

học phần sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp cho đủ khối lượng kiến thức (số tín chỉ) tối thiểu đăng ký trong học kỳ.

Số sinh viên tối đa cho từng lớp học phần do Trường Phòng Đào tạo đề nghị, Hiệu trưởng quyết định và được thông báo cụ thể khi sinh viên đăng ký học.

c) Phòng Đào tạo chỉ định cán sự lớp học phần gồm 01 lớp trưởng và 01 lớp phó ngay trong tuần đầu của học kỳ và thông báo trước lớp học phần; đồng thời gửi danh sách cán sự học phần về khoa, bộ môn chuyên ngành và Phòng CTSV.

Điều 10. Đăng ký khối lượng học tập

1. Đầu mỗi năm học, nhà trường thông báo lịch trình học dự kiến cho từng chương trình đào tạo trong từng học kỳ, dự kiến quy mô và số lớp học phần sẽ mở, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ giảng dạy, đề cương chi tiết và điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần dự kiến, dự kiến lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần.

2. Ở học kỳ 1 và 2 của khoá học, sinh viên học theo thời khoá biểu do nhà trường sắp xếp. Từ học kỳ thứ 3 trở đi, trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, sinh viên đăng ký học các học phần trong học kỳ đó trên cơ sở thời khoá biểu chung của trường, tiến trình học của chuyên ngành đang theo học và tùy theo khả năng, điều kiện học tập của mình.

Có 3 hình thức đăng ký các học phần sẽ học trong mỗi học kỳ: đăng ký sớm, đăng ký bình thường và đăng ký muộn.

a) Đăng ký sớm là hình thức đăng ký thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ khoảng 2 tháng trở lại.

b) Đăng ký bình thường là hình thức đăng ký thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ khoảng 02 tuần.

c) Đăng ký muộn là hình thức đăng ký thực hiện trong khoảng 02 tuần đầu của mỗi học kỳ chính hoặc trong tuần đầu của học kỳ phụ cho những sinh viên muốn đăng ký học thêm hoặc đăng kí học đổi sang học phần khác khi không có lớp.

3. Khối lượng học tập mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ chính được quy định như sau:

a) Tối thiểu 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ chính, trừ học kỳ cuối khóa học đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường.

b) Tối thiểu 10 tín chỉ và tối đa 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ chính, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu.

c) Không quy định khối lượng học tập đối với những sinh viên ở học kỳ phụ.

Các khoa, bộ môn chuyên ngành và trực tiếp là giáo viên chủ nhiệm/cố vấn học tập hướng dẫn sinh viên nghiên cứu kỹ các quy định và các yêu cầu đối với từng học phần trước khi đăng ký.

4. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

5. Phòng Đào tạo chỉ nhận đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở mỗi học kỳ khi đã có chữ ký chấp thuận của giáo viên chủ nhiệm/cố vấn học tập trong phiếu đăng ký học tập và chịu trách nhiệm lưu giữ phiếu này.

6. Phương thức đăng ký: Đăng ký trên máy tính có nối mạng hoặc đăng ký bằng phiếu, hoặc kết hợp đăng ký bằng phiếu và đăng ký trên máy tính nối mạng. Đầu mỗi đợt đăng ký, trường sẽ thông báo phương thức áp dụng cụ thể. Sinh viên phải thực hiện đúng lịch đăng ký học tập các học phần theo quy định của nhà trường đối với từng đối tượng cụ thể. Nếu đăng ký trên máy tính nối mạng, mỗi sinh viên có một tài khoản (do Phòng Đào tạo cung cấp) để thực hiện việc đăng ký học. Sinh viên phải có trách nhiệm bảo mật tài khoản của mình.

Điều 11. Rút bớt học phần sau khi đã đăng ký

1. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký được thực hiện sau 02 tuần kể từ đầu học kỳ chính, sau 01 tuần kể từ đầu học kỳ phụ. Tùy theo điều kiện cụ thể của trường, Hiệu trưởng quy định thời hạn tối đa được rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký. Ngoài thời hạn quy định, học phần vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng ký học và nếu sinh viên không đi học học phần này sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F.

2. Điều kiện để sinh viên rút bớt các học phần đã đăng ký:

a) Sinh viên phải tự viết đơn gửi Phòng Đào tạo của trường;

b) Được cố vấn học tập chấp thuận hoặc theo quy định của Hiệu trưởng;

c) Không vi phạm khoản 2 Điều 10 của Quy chế này.

Sinh viên chỉ được phép bỏ lớp đối với học phần xin rút bớt, sau khi giảng viên phụ trách nhận giấy báo của Phòng Đào tạo. Khi chưa có sự đồng ý của Phòng Đào tạo mà sinh viên tự ý bỏ học thì phải nhận điểm F.

Điều 12. Đăng ký học lại

1. Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D. Nếu học phần đó không còn mở lớp (do chương trình đào tạo thay đổi), sinh viên phải đăng ký học lại và tích lũy các học phần thay thế theo danh mục đã được trường công bố chính thức. Danh mục môn học thay thế do Trưởng khoa chuyên môn đề xuất và được Hiệu trưởng ra quyết định công bố chính thức.

2. Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký hoặc học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

3. Ngoài các trường hợp qui định tại Khoản 1 và Khoản 2 của Điều này, sinh viên cũng được phép đăng ký học lại đối với các học phần bị điểm D, D⁺, C để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy cho mình. Kết quả cao nhất trong các lần học sẽ được chọn để tính vào điểm trung bình chung tích lũy.

Điều 13. Nghỉ ốm

Trong quá trình học hoặc trong đợt thi, sinh viên xin nghỉ ốm hoặc nghỉ vì lý do đặc biệt phải viết đơn xin phép Trưởng khoa (kèm theo xác nhận của cơ quan y tế, ý kiến của giáo viên chủ nhiệm) trong vòng 03 ngày kể từ ngày nghỉ, Khoa chuyển cho Phòng CTSV. Phòng CTSV thừa lệnh hiệu trưởng sẽ căn cứ vào điều kiện cụ thể để giải quyết theo qui định và chuyển cho Phòng Đào tạo.

Điều 14. Xếp hạng năm đào tạo và học lực

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy (đạt từ điểm D trở lên), sinh viên được xếp hạng năm đào tạo như sau:

Được coi là:

- Sinh viên năm thứ nhất, nếu có khối lượng kiến thức tích lũy dưới 37 tín chỉ;

- Sinh viên năm thứ hai, nếu có khối lượng kiến thức tích lũy từ 37 tín chỉ đến dưới 77 tín chỉ;

- Sinh viên năm thứ ba, nếu có khối lượng kiến thức tích lũy từ 77 tín chỉ trở lên.

2. Sau mỗi học kỳ, sinh viên được xếp hạng về học lực thành 02 loại:

- Hạng bình thường: nếu có điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.

- Hạng yếu: nếu có điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00 nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp hạng sinh viên về học lực.

Điều 15. Nghỉ học tạm thời

1. Sinh viên được quyền gửi đơn tới Hiệu trưởng thông qua Phòng Công tác sinh viên để xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau đây:

a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang;

b) Bị ốm hoặc tai nạn buộc phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế cấp quận, huyện trở lên;

c) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học qui định tại Điều 16 của Quy định này và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 2,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại Khoản 3 Điều 6 của Quy định này.

2. Sinh viên thuộc diện nghỉ học tạm thời khi muốn trở lại học tiếp tại trường phải nộp đơn xin tiếp tục học cho Phòng Công tác sinh viên. Phòng Công tác sinh viên trình Hiệu trưởng ký quyết định cho phép sinh viên tiếp tục học tập và chuyển về Phòng Đào tạo ít nhất 01 tuần trước khi học kỳ mới bắt đầu.

Điều 16. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học

1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ nhằm giúp sinh viên có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình. Việc cảnh báo kết quả học tập của sinh viên được dựa trên các điều kiện sau:

a) Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất,

dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai, dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba;

b) Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo;

c) Tổng số tín chỉ của các học phần bị điểm F còn tồn đọng tính từ đầu khoá học đến thời điểm xét vượt quá 24 tín chỉ.

Tuỳ theo đặc điểm của từng khóa học, Hiệu trưởng quy định áp dụng một hoặc hai trong ba điều kiện nêu trên để cảnh báo kết quả học tập của sinh viên và quy định số lần cảnh báo kết quả học tập, nhưng không vượt quá 3 lần liên tiếp. Phòng Đào tạo có trách nhiệm cảnh báo kết quả học tập cho sinh viên.

2. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có số lần cảnh báo kết quả học tập vượt quá giới hạn theo quy định của Hiệu trưởng;

b) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường quy định tại Khoản 3 Điều 6 của Quy định này;

c) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 của Quy chế này hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của trường.

3. Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, trường thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Trường hợp tại trường sinh viên vừa theo học hoặc tại trường khác có các chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn hoặc chương trình giáo dục thường xuyên tương ứng, thì những sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại các Điểm a, b Khoản 2 của Điều này được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đó và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ. Trưởng Phòng Đào tạo thừa lệnh Hiệu trưởng xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 17. Học cùng lúc hai chương trình

1. Học cùng lúc hai chương trình dành cho sinh viên có đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều này và có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để

khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;

b) Sau khi đã kết thúc học kỳ thứ nhất năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất và sinh viên không thuộc diện xếp hạng học lực yếu;

c) Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 2,00 thì phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

3. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại Khoản 3 Điều 6 của Quy định này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

4. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

Điều 18. Chuyển trường

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có đủ các điều kiện sau đây:

a) Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;

b) Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học;

c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

2. Sinh viên không được phép chuyển trường nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Sinh viên đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung nhưng không trúng tuyển vào trường xin chuyển đến, hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm trúng tuyển của

trường xin chuyển đến;

b) Sinh viên có hộ khẩu thường trú nằm ngoài vùng tuyển của trường xin chuyển đến;

c) Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khoá;

d) Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Thủ tục chuyển trường:

a) Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Hiệu trưởng quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được bảo lưu kết quả, số học phần được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

Chương III

KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

Điều 19. Đánh giá học phần

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành:

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) bao gồm:

– Điểm đánh giá bộ phận: trọng số 30% (sửa thành 40% theo QĐ số 77 ngày 25/02/2016 về sửa đổi cách tính điểm học phần), do giáo viên tự tổ chức, đánh giá;

– Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70% (sửa thành 60% theo QĐ số 77 ngày 25/02/2016 về sửa đổi cách tính điểm học phần), do Phòng Đào tạo tổ chức;

b) Điểm đánh giá bộ phận:

– Số cột điểm tối thiểu đánh giá trong học phần:

Học phần 30 tiết – 45 tiết: 2 – 3 cột điểm;

Học phần 60 tiết – 75 tiết: 3 – 4 cột điểm;

Học phần 90 tiết – 120 tiết: 4 – 5 cột điểm;

– Tùy theo dung lượng, tính chất từng học phần cụ thể, có thể tính điểm trong từng cột điểm căn cứ vào từng phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận: Điểm kiểm tra thường xuyên; Điểm thảo luận (được tính bằng trung bình cộng của các bài thảo

luận); Điểm thực hành (được tính bằng trung bình cộng của các bài thực hành); Điểm thi giữa học phần (bắt buộc đối với tất cả các học phần).

– Đối với các điểm đánh giá bộ phận cần thể hiện được nội dung đánh giá phần tự học và phần học trên lớp của sinh viên.

– Các hình thức đánh giá bộ phận được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

2. Đối với các học phần thực hành:

a) Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Sinh viên vắng mặt không có lý do bài kiểm tra nào sẽ nhận điểm 0 ở bài kiểm tra đó; Sinh viên vắng mặt có lý do, giáo viên tạo điều kiện cho làm bài kiểm tra bổ sung;

b) Điểm bài thực hành kỹ năng đơn lẻ tính hệ số 01; Điểm bài thực hành kỹ năng tổng hợp tính hệ số 02 hoặc 03 được quy định trong chương trình học phần đã phê duyệt;

c) Điểm trung bình cộng của các bài thực hành (đã nhân hệ số) trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần này.

Điều 20. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Cuối mỗi học kỳ, nhà trường tổ chức một kỳ thi chính và nếu có điều kiện tổ chức thêm một kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ dành cho những sinh viên không tham dự kỳ thi chính hoặc có học phần bị điểm F ở kỳ thi chính. Kỳ thi phụ được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi chính. Các khoa chuyên môn cử cán bộ coi thi. Phòng Đào tạo lập kế hoạch thi và tổ chức thi kết thúc học phần. Mỗi phòng thi viết phải đảm bảo có 02 cán bộ coi thi

2. Thời gian dành cho ôn thi kết thúc học phần ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ. Hiệu trưởng quy định cụ thể thời gian dành cho ôn thi và thời gian thi cho các kỳ thi.

Điều 21. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng. Trưởng khoa/Trưởng bộ môn phân công giảng viên ra đề thi và

ký duyệt đề thi.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm trên giấy /trên máy tính hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hiệu trưởng duyệt các hình thức thi thích hợp cho từng học phần. Mỗi học phần chỉ có một bài thi kết thúc học phần.

3. Tổ chức đánh giá bài thi kết thúc học phần:

a) Chấm bài thi kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm thì các giảng viên chấm thi trình Trưởng bộ môn hoặc Trưởng khoa quyết định. Giảng viên phải nộp bài thi đã chấm điểm về Phòng Đào tạo chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày giảng viên thứ nhất nhận bài thi.

b) Điểm bài thi lý thuyết được Phòng Đào tạo công bố công khai sau 15 ngày tính từ ngày thi. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai ngay sau mỗi buổi thi. Các điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải ghi vào bảng điểm theo biểu mẫu do Phòng Đào tạo quy định, có chữ ký của cả hai giảng viên chấm thi và làm thành ba bản. Một bản lưu tại bộ môn, một bản gửi về văn phòng khoa và một bản gửi về Phòng Đào tạo.

4. Hiệu trưởng quy định việc bảo quản các bài thi, quy trình chấm thi và lưu giữ các bài thi sau khi chấm. Thời gian lưu giữ các bài thi viết, tiểu luận, bài tập lớn ít nhất là hai năm, kể từ ngày thi hoặc ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn.

5. Số lần thi kết thúc học phần

a) Nhà trường chỉ tổ chức một lần thi kết thúc học phần cho mỗi học phần;

b) Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính, nếu được Trưởng phòng Đào tạo cho phép, thì được dự thi ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có) hoặc dự thi tại kỳ thi kết thúc học phần ở học kỳ tiếp theo và được coi là thi lần đầu;

c) Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi một lần và phải nhận điểm 0 (thang điểm 10) ở kỳ thi chính;

d) Sinh viên xin hoãn thi phải có đơn gửi Phòng Đào tạo. Cán bộ coi thi có trách nhiệm ghi rõ các trường hợp vắng thi vào danh sách sinh viên dự thi;.

Điều 22. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang

điểm 10 (từ 0 đến 10) và được làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần là tổng điểm của điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

a) Loại đạt gồm:

A	(8,5 – 10)	: Giỏi
B ⁺	(8,0 – 8,4)	} : Khá
B	(7,0 – 7,9)	
C ⁺	(6,0 – 6,9)	} : Trung bình
C	(5,5 – 5,9)	
D ⁺	(5,0 – 5,4)	} : Trung bình yếu
D	(4,0 – 4,9)	

b) Loại không đạt: F (dưới 4,0) : Kém

c) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I : Chưa đủ dữ liệu đánh giá

X : Chưa nhận được kết quả thi

d) Đối với những học phần được nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá, sử dụng ký hiệu R viết kèm với kết quả.

3. Việc xếp loại các mức điểm A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp phải nhận điểm 0 do bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do;

b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên phụ trách học phần cho phép nợ;

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

4. Việc xếp loại ở mức điểm F, ngoài những trường hợp như đã nêu ở Khoản 3 của Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.

5. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ sinh viên bị ốm nặng hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi, nhưng phải được giảng viên phụ trách học phần, khoa chuyên môn và Phòng Đào tạo cho phép;

b) Sinh viên không thể tham gia kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được giảng viên phụ trách học phần, Trưởng khoa chuyên môn và Phòng Đào tạo chấp nhận. Trừ các trường hợp bất khả kháng do Hiệu trưởng quy định, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa được chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

6. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà Phòng Đào tạo chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ khoa chuyển lên.

7. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp sinh viên học vượt.

b) Những học phần được công nhận kết quả, khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

Điều 23. Cách tính điểm trung bình chung

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần được quy đổi qua điểm số như sau:

A : tương ứng với 4,0

B⁺ : tương ứng với 3,5

B : tương ứng với 3,0

C⁺ : tương ứng với 2,5

C : tương ứng với 2,0

D⁺ : tương ứng với 1,5

D : tương ứng với 1,0

F : tương ứng với 0,0

Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm việc qui đổi giữa điểm chữ và điểm số.

2. Điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và làm tròn đến hai chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy;

a_i là điểm của học phần thứ i;

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i;

n là tổng số học phần tính điểm trung bình chung.

Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất (theo thang điểm 10) với số tín chỉ đăng ký lớn hơn hoặc bằng số tín chỉ tối thiểu qui định cho 01 học kỳ của chương trình. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy dùng để xét cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học hoặc xếp hạng học lực, xếp hạng tốt nghiệp của sinh viên được tính theo kết quả điểm học phần của lần học có điểm học phần cao nhất (điểm theo thang điểm chữ như quy định tại mục 1 điều 23). Điểm học phần trong học kỳ phụ được tính vào học kỳ chính trước đó và thay thế cho điểm đã có nếu kết quả cao hơn (kể cả học phần đã đạt và học lại để cải thiện).

Chương IV

XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 24. Thực tập cuối khoá và khóa luận tốt nghiệp

Hiệu trưởng quy định nội dung, hình thức thực tập cuối khoá, khóa luận tốt nghiệp phù hợp với đặc điểm các chương trình đào tạo của khóa học.

Điều 25. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện

sau:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần qui định cho chương trình đào tạo được quy định tại Điều 2 của Quy định này;

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính và các điều kiện khác do Hiệu trưởng quy định;

đ) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng – an ninh đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và chứng chỉ học phần giáo dục thể chất đối với các ngành không chuyên về thể dục - thể thao;

e) Có đơn gửi Phòng Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học. Trong một năm học, Nhà trường tổ chức xét tốt nghiệp 3 đợt (dự kiến tháng 2, tháng 5 và tháng 9)

2. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại Khoản 1 của Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Hội đồng xét tốt nghiệp do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền làm Chủ tịch, Trưởng Phòng Đào tạo, các Trưởng khoa chuyên môn, Trưởng phòng Công tác sinh viên, Trưởng ban Kế hoạch – Tài chính là ủy viên; trợ lý phụ trách đào tạo làm thư ký.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 26. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo

1. Bằng tốt nghiệp cao đẳng được cấp theo ngành đào tạo chính (đơn ngành hoặc song ngành). Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học như sau:

a) Loại xuất sắc : Đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,0;

- b) Loại giỏi : Đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;
- c) Loại khá : Đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;
- d) Loại trung bình : Đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu bị rơi vào một trong các trường hợp sau:

- a) Có khối lượng của các học phần phải học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;
- b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập toàn khoá của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm của sinh viên theo từng học phần với điểm học phần cao nhất, điểm trung bình chung toàn khoá và xếp loại tốt nghiệp. Trong bảng điểm, phải ghi rõ chuyên ngành (hướng chuyên sâu) hoặc ngành phụ (nếu có).

4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại khoản 1 Điều 25 của Quy định này đối với một số chương trình đào tạo tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau, thì sinh viên được cấp bằng tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các ngành đào tạo đó.

6. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học và đạt trong chương trình của trường. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển sang chương trình khác theo qui định tại Khoản 2 Điều 16 của Quy định này.

Chương V

XỬ LÝ VI PHẠM & ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên, cán bộ vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, thi giữa học phần thi kết thúc học phần, chuẩn bị khoá luận nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm.

2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học

tập 1 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều này, tùy mức độ sai phạm mà khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên và cán bộ coi thi vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Điều 28. Điều khoản thi hành

Quy định này bắt đầu áp dụng từ năm học 2013-2014, mọi nội dung trái với quy định này đều bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện nếu phát hiện những điều chưa hợp lý hoặc có vấn đề mới nảy sinh sẽ xem xét, điều chỉnh.